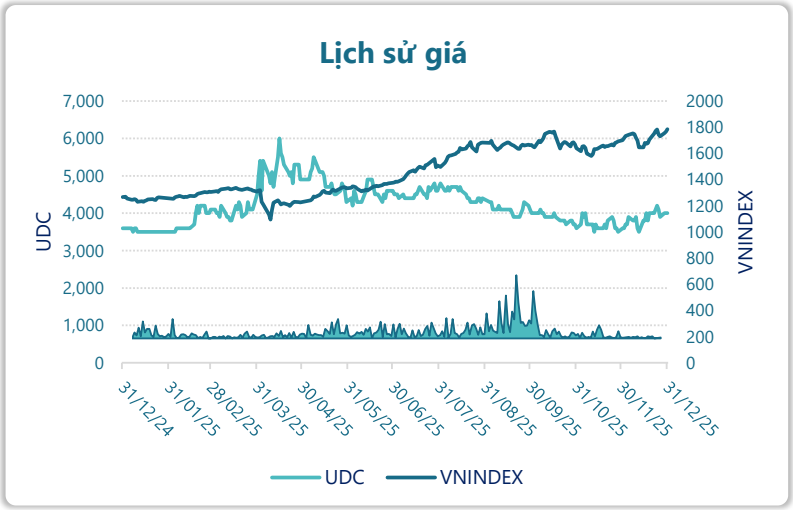
FireAnt

CTCP Đầu tư xây dựng UDCONS (UPCOM: UDC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,500
SL cổ phiếu LH	34,706,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50,375
% sở hữu nước ngoài	11.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	139
P/E	-2.4
EPS	-1,692

DT thuần

Q4/25

111

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 42.9| 62.8%

YoY: ▼81.0| -42.2%

LN sau thuế

Q4/25

-22.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.30| -70.1%

YoY: ▼20.6| -1055%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-6.4%

+/- YoY: ▼ 2.9%

DT thuần

2025

276

tỷ VNĐ

YoY: ▼68.0| -19.7%

LN sau thuế

2025

-60.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.1| -30.3%

ROE

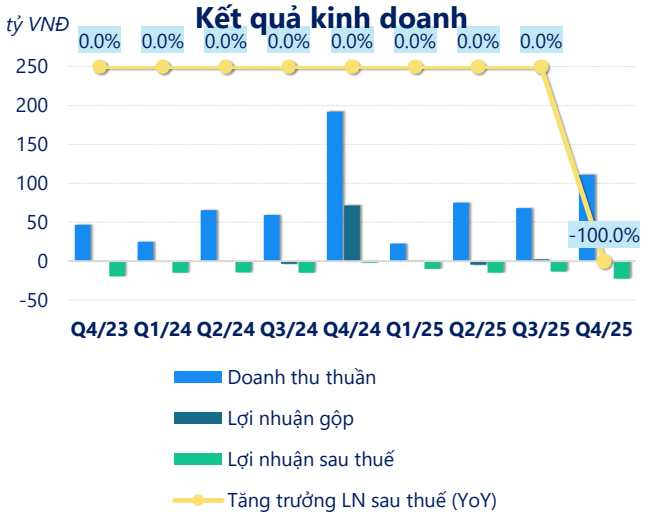
2025

-34.9%

+/- YoY: ▼ 17.8%

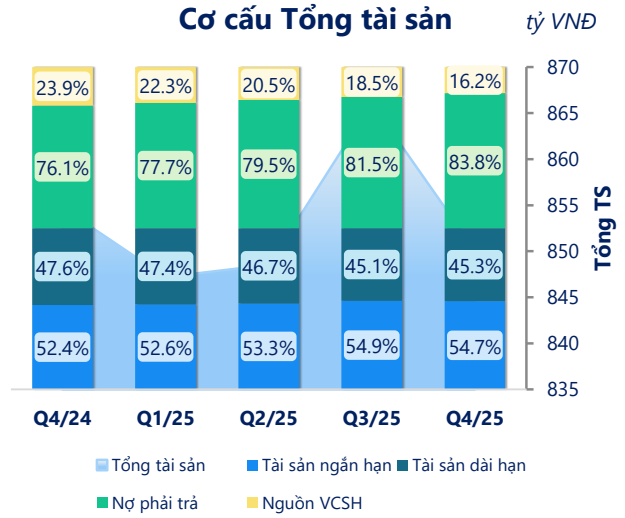
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



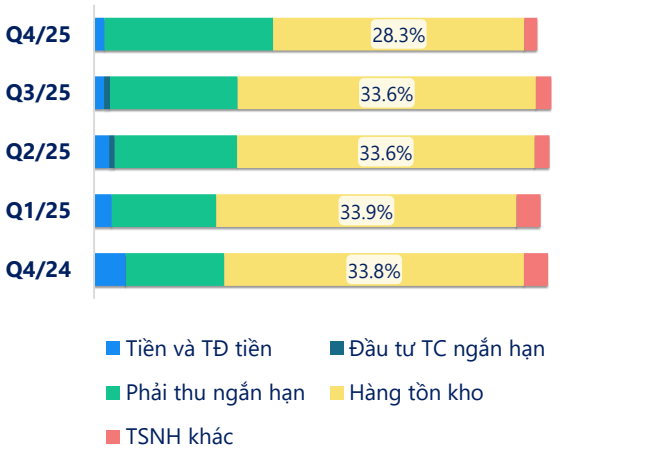
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



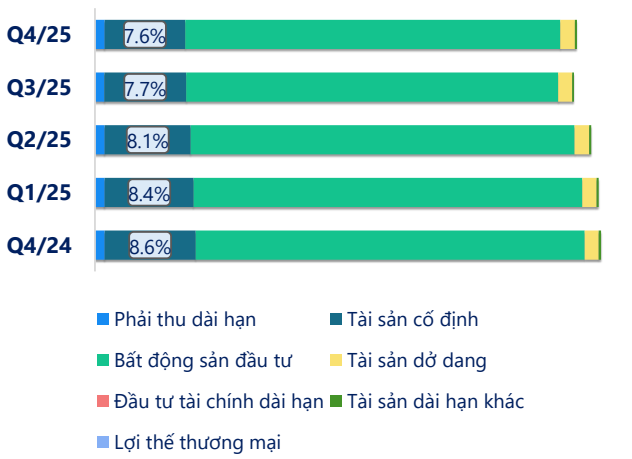
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



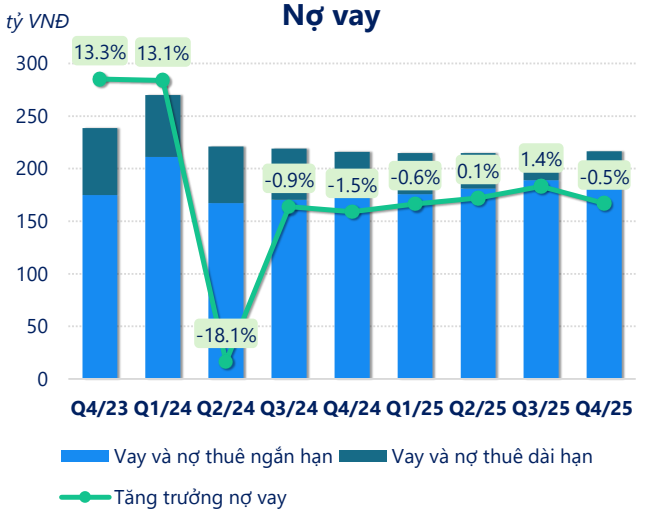
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



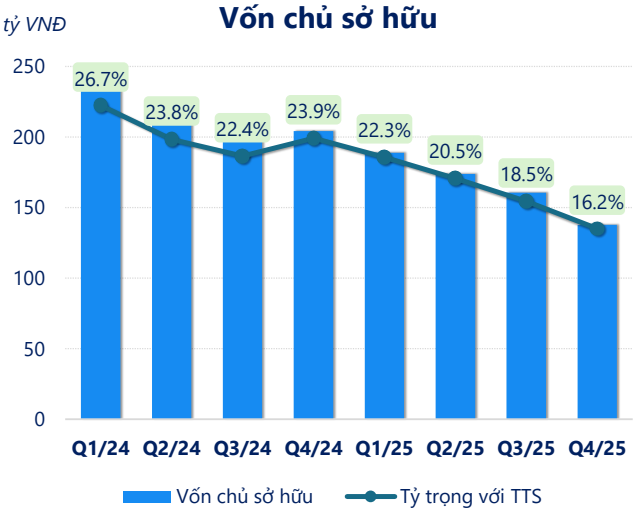
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



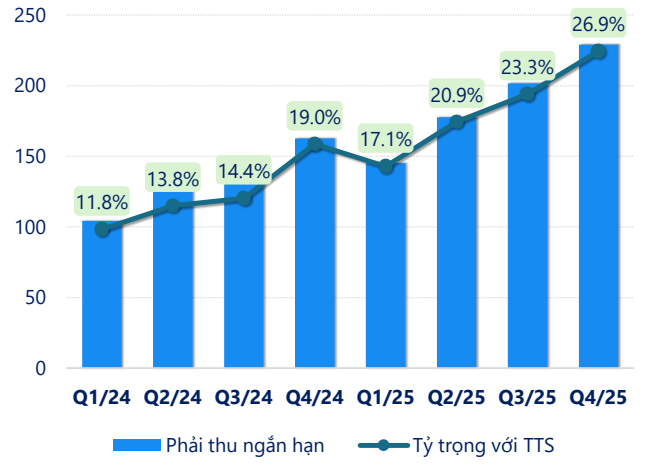
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



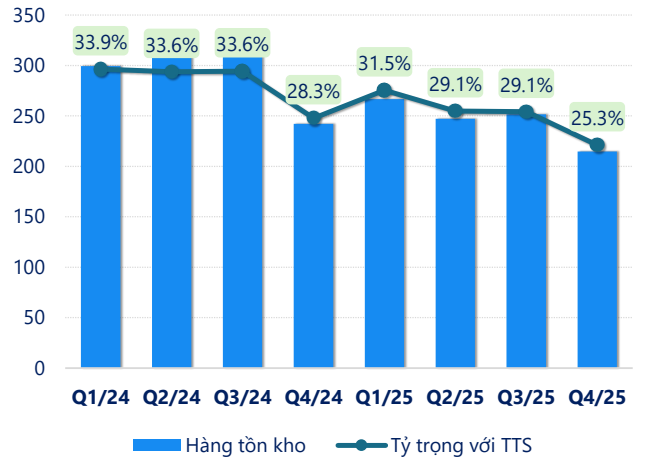
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



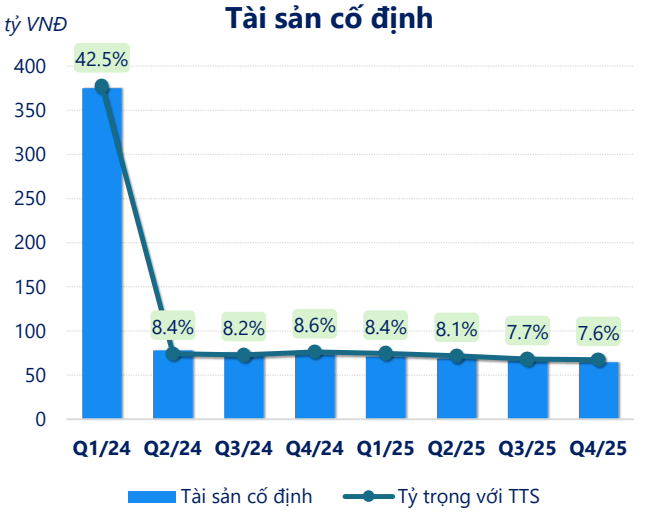
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



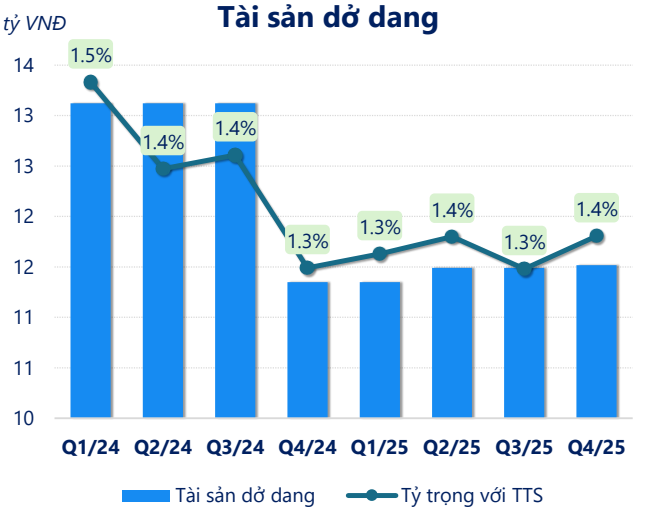
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



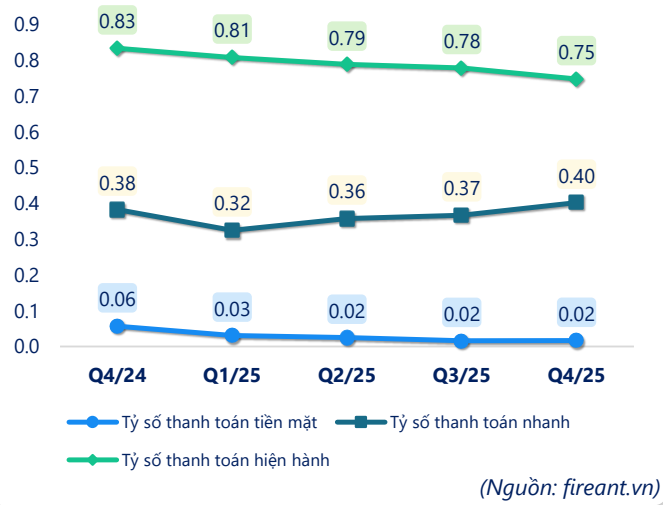
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



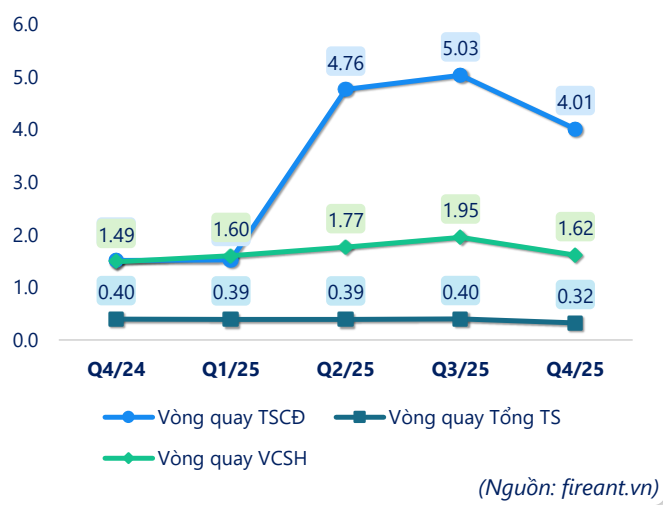
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**855**	**847**	**849**	**866**	**850**
Tài sản ngắn hạn	**448**	**446**	**453**	**476**	**465**
Tiền và tương đương tiền	30.5	17.0	14.3	9.81	10.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	3.00
Phải thu ngắn hạn	163	145	178	202	229
Hàng tồn kho	242	267	247	252	215
Tài sản ngắn hạn khác	12.7	17.1	13.7	12.8	7.98
Tài sản dài hạn	**407**	**401**	**396**	**390**	**385**
Phải thu dài hạn	7.74	7.74	7.74	7.72	7.72
Tài sản cố định	73.2	71.0	68.7	66.5	64.5
Bất động sản đầu tư	313	309	306	303	300
Tài sản dở dang	11.3	11.3	11.5	11.5	11.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tài sản dài hạn khác	1.85	1.73	1.64	1.45	1.70
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**650**	**658**	**675**	**706**	**712**
Nợ ngắn hạn	**538**	**552**	**574**	**611**	**622**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	172	176	181	189	193
Phải trả người bán ngắn hạn	89.8	100	98.9	112	112
Nợ dài hạn	113	106	100	94.4	90.5
Vay và nợ thuê dài hạn	43.8	38.8	33.8	28.8	23.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**204**	**189**	**174**	**160**	**138**
Vốn chủ sở hữu	**204**	**189**	**174**	**160**	**138**
Vốn điều lệ	350	350	350	350	350
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)